

# MỐI QUAN HỆ PHỤ THUỘC GIỮA TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ VÀ PHƯƠNG TÂY<sup>(\*)</sup>

SIMON TAY<sup>(\*\*)</sup>. *Interdependency Theory. China, India, and the West. Foreign Affairs*, Vol. 89, No.5, September/October 2010.  
<http://www.foreignaffairs.com/articles/66595/simon-tay/interdependency-theory?page=1>

XUÂN TÙNG  
dịch

**K**hi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu kết thúc, các nền kinh tế ở Bắc Mỹ và châu Âu vẫn còn yếu trong khi các nền kinh tế châu Á lại tiếp tục phát triển mạnh. Điều này đặc biệt đúng trong trường hợp Trung Quốc và Ấn Độ, cả hai nước đều tự hào bởi tỷ lệ tăng trưởng xấp xỉ hai con số và do đó, tạo niềm tin rộng khắp trong khu vực. Song, quá nhiều nhà bình luận lại bàn về Trung Quốc và Ấn Độ với sự ngưỡng mộ quá mức – chẳng hạn, họ suy đoán rằng sự tăng trưởng kinh tế vẫn tiếp diễn với tốc độ rất nhanh trong vòng nhiều thập kỷ tới. Để làm điều đó, họ đối xử với các nền kinh tế mới nổi như thể đó đã là các siêu cường thế giới, lặp lại thái độ ngạo mạn từng có trước cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á năm 1997-1998.

Cuốn sách *Những người khổng lồ tỉnh thức, những bàn chân đất sét: Đánh giá sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ* của tác giả Pranab Bardhan là một tác phẩm đối lập và phủ định quan điểm trên. Nó tóm lược

một cách cô đọng những thách thức đặt ra đối với Trung Quốc và Ấn Độ, bao gồm tình trạng suy thoái môi trường, những yếu tố nhân khẩu học bất lợi, cơ sở hạ tầng nghèo nàn và tình trạng bất bình đẳng xã hội – những mối đe dọa mà các nhà lãnh đạo của hai quốc gia này đều hiểu rõ. Ngay cả khi những người khác không tiếc lời ngợi ca Trung Quốc và các công dân Trung Quốc ngày càng theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào và các thành viên khác trong ban lãnh đạo hiện hành đều tỏ ra thận trọng. Như Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo từng phát biểu năm 2007, sự

---

<sup>(\*)</sup> Bình luận cuốn sách “Những người khổng lồ tỉnh thức, những bàn chân đất sét: Đánh giá sự trỗi dậy kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ (Awakening Giants, Feet of Clay: Assessing the Economic Rise of China and India) của Pranab Bardhan và cuốn sách “Chơi trò của chúng ta: Tại sao sự trỗi dậy của Trung Quốc không đe dọa phương Tây” (Playing Our Game: why China’s Rise Doesn’t Threaten the west) của Edward Steinfeld.

<sup>(\*\*)</sup> Chủ tịch Viện Nghiên cứu quốc tế Singapore.

phát triển của Trung Quốc mang tính chất “không đều, không cân bằng, không tương xứng và không bền vững”. Trong khi đó, tại Ấn Độ, mặc dù chính phủ đã tổ chức những chiến dịch nhằm đề cao sự tăng trưởng và cải cách của nước này, nhưng những kế hoạch quốc gia nhằm xây dựng đường sá và các cơ sở hạ tầng khác lại phản ánh sâu sắc những lỗ hổng kéo dài của Ấn Độ.

Một nhận định gây tranh cãi của Bardhan là cải cách nội địa – chứ không phải thị trường toàn cầu – mới là yếu tố chi phối sự tăng trưởng kinh tế của cả Trung Quốc và Ấn Độ. Thay vì tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin của Ấn Độ hay quá trình công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu của Trung Quốc, Bardhan lại nhấn mạnh đến những lĩnh vực khác ít hấp dẫn hơn. Nghiên cứu kinh tế nông thôn – nơi chiếm đa số lực lượng lao động của Trung Quốc và Ấn Độ - Bardhan kết luận rằng sự tăng trưởng bị chi phối từ dưới lên. Ví dụ, ông chỉ ra tỷ lệ giảm nghèo liên tục của Trung Quốc đã diễn ra như thế nào vào cuối những năm 1980, trước khi nước này bắt đầu đẩy mạnh ngoại thương và thu hút đầu tư nước ngoài quy mô lớn. Theo lập luận của Bardhan, những nguyên do chính của sự giảm nghèo ở Trung Quốc là các khoản đầu tư cho cơ sở hạ tầng và các cải cách dành cho các doanh nghiệp hương trấn - những chủ thể quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp.

Cuốn sách này cho rằng số phận của Trung Quốc và Ấn Độ nằm trong tay chính họ, chứ không phụ thuộc vào phương Tây như nhiều người khác từng giả định. Nếu điều đó là đúng thì hai người khổng lồ này có thể tiếp tục tăng trưởng bất chấp khủng hoảng kinh tế

toàn cầu, kéo theo sự đi lên của nhiều nước châu Á khác. Tuy nhiên, nếu ngược lại thì cả hai nước này đều không thể bỏ qua những điều kiện ngoại cảnh.

### **Quan hệ căng thẳng giữa những người khổng lồ**

Một trong những hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng đến cả Trung Quốc và Ấn Độ là quan hệ song phương giữa hai nước – cho dù nó diễn tiến theo một cách thức lành mạnh hay đối nghịch. Mặc dù hiện nay Trung Quốc và Ấn Độ hợp tác với nhau trong nhiều thể chế liên chính phủ và trong hoạt động thương mại nhiều hơn bao giờ hết – kim ngạch thương mại Trung - Ấn đã tăng từ 3 tỷ USD năm 2001 lên 40 tỷ USD năm 2007 – nhưng vẫn có những lĩnh vực mà ở đó hai người khổng lồ đang tình thức của châu Á có khả năng đâm chân lên nhau. Cuốn sách này của Bardhan không đề cập đến chủ đề này.

Điểm đen trong quan hệ Trung - Ấn là cuộc chiến giữa hai nước năm 1962, mà kết quả là sự thất bại đáng hổ thẹn của Ấn Độ (với hơn 3000 quân bị thiệt mạng). Kể từ đó, mối quan hệ này đã được cải thiện, nhưng những yếu tố hợp tác vẫn tồn tại song song với sự cạnh tranh và nghi kỵ. Nhiều tranh chấp địa chiến lược gây chia rẽ Bắc Kinh và New Delhi, trong đó có một loạt những bất đồng nhạy cảm về những khu vực dọc biên giới 2200 dặm giữa hai nước. Khu vực Tây Tạng của Trung Quốc có đường biên giới kéo dài giáp với Ấn Độ và khi khu vực này trở nên bất ổn (như đã xảy ra trong những năm gần đây), Trung Quốc nghi ngờ có sự xúi giục của Ấn Độ. Điều này khiến cho những tranh chấp ở những điểm nóng ở vùng Himalaya xa xôi – như Arunachal Pradesh, một bang của Ấn Độ mà Bắc Kinh tuyên bố có chủ quyền – trở nên gay gắt hơn, giống như

sự chỉ trích căng thẳng gần đây của Trung Quốc đối với những hành động của Ấn Độ ở trong và xung quanh khu vực Kashmir.

Ngoài ra còn có những cội nguồn gây căng thẳng mới, trong đó có sự cạnh tranh để giành lấy những làn đường biển ở Ấn Độ Dương và quá trình thám hiểm vũ trụ. Thậm chí còn tồn tại sự căng thẳng đối với những quan hệ thương mại vốn ngày càng gắn kết hai nước về mặt kinh tế. Năm 2009, Ấn Độ đột ngột tăng thuế nhập khẩu hàng hóa viễn thông từ Trung Quốc thêm 200% nhằm hạn chế hàng Trung Quốc trong lĩnh vực mà New Delhi cho rằng rất quan trọng cả trên phương diện kinh tế lẫn chiến lược.

Ẩn dưới những căng thẳng này là khoảng cách về quyền lực hay sức mạnh. Cùng trời đất đồng thời, hai người khổng lồ châu Á cùng cạnh tranh để giành thị trường, tài nguyên thiên nhiên, đầu tư thương mại và ảnh hưởng chính trị trong khu vực cũng như trên toàn thế giới. Căn cứ theo một cách đánh giá nào đó, nền kinh tế Trung Quốc có quy mô lớn gấp 3-4 lần so với nền kinh tế Ấn Độ. Và trong khi Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ thì Ấn Độ chỉ đứng thứ 10 trong số các đối tác thương mại của Trung Quốc. Tuy vậy, trong các cơ quan cấp bộ ở New Delhi và các tòa nhà thương mại ở Mumbai, giới tinh hoa Ấn Độ vẫn không chịu thừa nhận rằng vị trí của Ấn Độ thấp hơn Trung Quốc.

Dĩ nhiên, có những lực lượng – đặc biệt là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) – đang tìm cách thúc đẩy hợp tác khu vực và làm suy yếu sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước châu Á. Mặc dù là chủ nhà của những hội nghị

thượng đỉnh cấp khu vực với sự tham gia của các quan chức đến từ Trung Quốc và Ấn Độ cũng như từ những nước thành viên, ASEAN vẫn chỉ là một hiệp hội của các nền kinh tế có quy mô vừa và nhỏ, do đó thiếu sức mạnh kinh tế đủ để chỉ đạo sự hội nhập trên toàn khu vực. Bởi vậy, mặc dù Trung Quốc và Ấn Độ có thể tỏ rõ tình đoàn kết trong diễn đàn ASEAN và ở đâu đó khác, nhưng hai nước này vẫn sẽ tiếp tục cạnh tranh trong lĩnh vực kinh tế, chính trị và nhiều lĩnh vực khác.

### **Ngôi sao dẫn đường của châu Á**

Một yếu tố quan trọng trong sự cạnh tranh Trung - Ấn (và trong ý nghĩa quan trọng của nó đối với thế giới) là hai quốc gia này có những hệ thống chính trị khác hẳn nhau. Do đó, những định hướng chiến lược của Trung Quốc và Ấn Độ đều đưa ra những quan điểm về các triển vọng phát triển dưới chế độ chuyên chế và chế độ dân chủ. Để giải quyết điểm này, Bardhan khuyên độc giả không nên nghe theo kết luận giản đơn rằng chế độ chuyên chế có ưu thế vượt trội so với chế độ dân chủ khi xét trên phương diện tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy, ông lập lại những mô tả tính cách giản đơn của chủ thể khi viết: “Kinh nghiệm của Ấn Độ cho thấy rằng dân chủ cũng có thể cản trở phát triển theo nhiều cách” và “ở Trung Quốc có sáng kiến và sự thực thi chính sách quyết đoán hơn so với ở Ấn Độ”. Tranh luận thực sự (đặc biệt vào thời điểm nổ ra cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu) là về kiểu pha trộn giữa tính quyết đoán chuyên chế và tính lừa mị dân chủ khiến cho các nền kinh tế trở nên mạnh hơn.

Thách thức đặt ra đối với Bắc Kinh và New Delhi là phải kết hợp quyền lực với tính hợp pháp. Chỉ khi đó Chính

phủ Trung Quốc và Chính phủ Ấn Độ mới có khả năng tiến hành những biện pháp rất có thể không được lòng dân trong ngắn hạn hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho những lĩnh vực có liên quan đến chính trị nhưng lại cần thiết cho sự tiến bộ lâu dài: kích thích tốc độ gia tăng việc làm, giảm nghèo, bảo vệ môi trường và những nhiệm vụ sống còn khác.

Người ta thường nghe nói đến “sự đồng thuận Bắc Kinh”, nhưng hiếm khi nghe nhắc tới bất kỳ mô hình quản lý nào của Ấn Độ. Trên thực tế, trường hợp của Ấn Độ dường như là duy nhất, đặc biệt là bởi vì Nhà nước Ấn Độ hiện đại được khai sinh ra đã là một nền dân chủ - không giống như các quốc gia hậu thuộc địa khác như Hàn Quốc, nơi đã từng hoặc vẫn mang tính chất chuyên quyền. Hơn nữa, New Delhi không có truyền thống tìm cách gây ảnh hưởng đến hoạt động chính trị của các nước châu Á khác (vì sợ rằng những vấn đề trong nước của riêng Ấn Độ sẽ bị tổn thương trước sự can thiệp của nước ngoài). Do đó, châu Á thiếu một hình mẫu “cây nhà lá vườn” đủ mạnh và tiêu biểu cho sự phát triển kinh tế thành công dưới chế độ dân chủ. Indonesia có thể trở thành một hình mẫu như thế, bởi lẽ nước này đang quá độ sang nền dân chủ từ sau sự sụp đổ của chế độ Suharto năm 1998 và hiện đang có tỷ lệ tăng trưởng hàng năm ở mức 4-6%. Tuy nhiên, cho đến nay, đất nước Trung Quốc chuyên quyền vẫn là ngôi sao dẫn đường của châu Á.

Điều này gây lo ngại cho nhiều nhân vật ở phương Tây, đặc biệt là những người lên tiếng cảnh báo chống lại mô hình chủ nghĩa tư bản nhà nước của Trung Quốc, chỉ trích những hành động lạm dụng nhân quyền và chế độ

kiểm duyệt báo chí nghiêm ngặt ở nước này, nghi ngờ việc Bắc Kinh đang theo đuổi một chính sách tiền tệ có tính chất thao túng, và nhìn chung xem Trung Quốc như một con rồng đang nổi lên tìm cách thống trị thế giới xung quanh. Theo quan điểm này, nền kinh tế Trung Quốc đã mở cửa và toàn cầu hóa, song nền chính trị của nó vẫn “đóng băng” xoay quanh Đảng Cộng sản. Đến lượt nó, điều này cho thấy rằng Nhà nước Trung Quốc vẫn khác biệt căn bản và thậm chí đối lập với các nhà nước tự do ở phương Tây.

### **Những quy tắc của phương Tây**

Cuốn sách “Chơi trò của chúng ta: Tại sao sự trỗi dậy của Trung Quốc không đe dọa phương Tây” của tác giả Edward Steinfeld đưa ra một quan điểm khác về sự nổi lên của Trung Quốc. Steinfeld lập luận, những thay đổi trong hệ thống kinh tế và hệ thống chính trị của Trung Quốc không mâu thuẫn nhau, mà ít nhiều tương đồng với nhau. Ông cho rằng, điều này là bởi vì “quá trình chuyển giao thể chế” (institutional outsourcing) từ hệ thống toàn cầu: toàn cầu hóa mang đến bộ quy tắc hành xử thương mại và đòi hỏi các nước phải thể chế hóa các quy tắc đó nhằm thúc đẩy sự thay đổi và tiến bộ.

Chịu ảnh hưởng của các nhà đầu tư và các chuyên gia nước ngoài, chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Trung Quốc đã nỗ lực cải thiện môi trường thương mại của nước này, đặc biệt là những gì liên quan đến thể chế pháp lý và các quan hệ lao động tư. Tuy nhiên, còn lâu Trung Quốc mới có được kiểu tổ chức công đoàn và thương lượng tập thể như đã tồn tại ở nhiều nơi khác trên thế giới, song như Steinfeld lập luận, thực tiễn lao động của Trung Quốc đang tách rời gốc rễ cách

mạng của nó và ngày càng hòa hợp với các tiêu chuẩn của phương Tây.

Theo Steinfeld, trong những thập niên gần đây vai trò của Đảng Cộng sản trong hệ thống chính trị Trung Quốc đã thay đổi căn bản. Ngày nay, hoạt động chính trị được quyết định trước hết không phải bởi sự cạnh tranh giành quyền lực giữa đảng và các nhóm xã hội khác, mà bởi các đối tác giữa các lực lượng chính phủ và các nhân tố cải cách ngoài đảng. Theo lập luận của Steinfeld, người dân thường Trung Quốc đã chuyển từ thân phận thân dân lên địa vị công dân. Vì lý do đó, chính phủ Trung Quốc phải hành xử một cách thận trọng: để bảo vệ vai trò trung tâm của Đảng Cộng sản, các quan chức phải tìm kiếm đồng minh ngoài đảng, bao gồm các nhà hoạt động xã hội và các nhân tố thuộc xã hội dân sự, nếu không thì những chủ thể này có thể đe dọa sự độc quyền quyền lực của Đảng Cộng sản. Đối với Steinfeld, điều này có nghĩa là Trung Quốc đang tiến triển rất giống với cách thức mà các quốc gia hiện đại hóa khác, bao gồm không chỉ Hàn Quốc và Đài Loan, mà cả Anh và Mỹ đã từng tiến hành. Ông cho rằng, nên chính trị ngày càng mang tính chất tự do đang ở phía trước, ngay cả khi Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn giữ vị trí trung tâm và sẽ có những biến động thường xuyên trong quá trình đi đến đích đó.

Steinfeld viết: “Trung Quốc hiện đang tăng trưởng không phải bằng cách viết nên những quy tắc của riêng nó... Trung Quốc đang chơi trò chơi của chúng ta”. Trò chơi đó là toàn cầu hóa và các quy tắc thống trị của nó chủ yếu do phương Tây lập ra. Nếu điều này là đúng thì Trung Quốc sẽ ngày càng trở thành một chủ thể có trách nhiệm trong

trật tự toàn cầu. Khi đó, quốc gia rộng lớn này không cần bị kìm hãm nữa; toàn cầu hóa sẽ phát huy tác dụng của nó.

Phân tích như vậy có thể gây ra sự tự mãn. Thứ nhất, Trung Quốc chưa chắc sẽ tuân theo những quy tắc đã được thiết lập từ trước. Bắc Kinh từng có những mâu thuẫn căng thẳng với Google (hãng cung cấp dịch vụ tìm kiếm trực tuyến lớn nhất trên Internet) trong nhiều tháng qua và Jeffrey Immelt, Giám đốc điều hành (CEO) của hãng General Electric, mới đây có bình luận rằng các quan chức Trung Quốc “muốn bất kỳ ai trong chúng ta cũng chiến thắng và bất kỳ ai trong chúng ta cũng thành công”. Hơn nữa, những quy tắc đã được thiết lập có thể không đủ khả năng giải quyết một số vấn đề chưa từng thấy do sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đặt ra. Lấy chính sách tiền tệ làm ví dụ: Những gì Trung Quốc đã làm trong việc tích lũy các nguồn dự trữ tài chính khổng lồ rất giống với những gì mà các nước châu Á khác đã làm trong quá trình phát triển của mình, nhưng quy mô nền kinh tế của các nước đó lại nhỏ hơn nhiều so với của Trung Quốc. Quá trình tích lũy tài chính của Trung Quốc có thể đe dọa hệ thống tài chính toàn cầu vốn phải chịu thiệt hại do cuộc khủng hoảng toàn cầu gây ra, đặc biệt căn cứ vào vấn đề phức tạp là liệu Bắc Kinh có thiết lập chính sách dựa trên những lý do chính trị cũng như lý do kinh tế hay không.

Vai trò quyết định của nhà nước trong nền kinh tế Trung Quốc cho phép nước này phản ứng một cách trực tiếp và hiệu quả trước cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu gần đây. Song, như nhà tài phiệt George Soros và một số người khác từng cảnh báo, trên thực tế vẫn

tồn tại những mối nguy hiểm rất lớn cho thấy rằng thương hiệu “chủ nghĩa tư bản nhà nước” của Trung Quốc có thể ít quan tâm đến thị trường và các giá trị nhân văn. Steinfeld coi các mối quan ngại như vậy là sự thụt lùi so với kỷ nguyên trước đây, trước khi Trung Quốc bắt đầu hành xử như một chủ thể tự do hóa nhưng mang tính chuyên quyền theo khuôn mẫu của các quốc gia Đông Á khác. Chẳng hạn, ông lập luận rằng nỗ lực của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Trung Quốc (CNOOC) trong việc mua lại tập đoàn dầu lửa Unocal (có trụ sở tại Mỹ) năm 2005 – một thương vụ mà một số người chỉ trích ở Mỹ cho là bị thúc đẩy bởi nỗ lực chiến lược nhằm bảo đảm an quyền tiếp cận năng lượng của Trung Quốc – chỉ là một quyết định ở cấp độ tập đoàn với mục đích hiện đại hóa một ngành kinh doanh trọng yếu. Ông chỉ ra rằng CNOOC đã công khai niêm yết trên thị trường chứng khoán Hong Kong và đang hợp tác với các nhà tư vấn phương Tây để đạt tới quy mô và vị thế toàn cầu.

Những quan điểm này là hữu ích, nhưng những nhận thức về nó mới có ý nghĩa quan trọng. Nhiều nhà hoạch định chính sách của Mỹ coi những hành động của CNOOC là ví dụ minh họa cho thực tế các nhà lãnh đạo Trung Quốc sử dụng tập đoàn để che đậy cho việc theo đuổi các mục tiêu an ninh quốc gia. Đây là lý do tại sao sự trỗi dậy của Trung Quốc tiếp tục gây nghi ngờ ở châu Á, Mỹ và một số nơi khác.

### **Quốc gia không thể thiếu**

Nhiều người Mỹ lo ngại rằng trong một “thế giới hậu Mỹ”, như Tổng biên tập tạp chí Newsweek Fareed Zakaria từng chỉ ra, một châu Á đang nổi lên và

một nước Mỹ mỗi một lần âu lo sẽ phốt lò lẫn nhau hoặc tương tác với nhau một cách gay gắt. Song, như Steinfeld lập luận, số phận của châu Á bị ràng buộc chặt chẽ với phương Tây thông qua toàn cầu hóa.

Trước cuộc khủng hoảng kinh tế, dường như từng có bằng chứng cho thấy rằng châu Á có thể tách rời khỏi phương Tây – tức là, sự hội nhập kinh tế ngày càng tăng giữa các quốc gia châu Á có thể giữ cho khu vực này tăng trưởng ngay cả khi người tiêu dùng Mỹ ngừng mua hàng hóa châu Á. Tuy nhiên, khi cuộc khủng hoảng dâng cao vào năm 2008, có một điều rõ ràng là châu Á và phương Tây lại không tách rời nhau: nhu cầu tiêu dùng của Mỹ giảm mạnh đã ngay lập tức làm tổn thương hoạt động sản xuất trên toàn châu Á, đặc biệt là tại Trung Quốc.

Nhưng một vài nỗ lực đã được tiến hành nhằm hạn chế sự phụ thuộc của các nền kinh tế châu Á vào thị trường Mỹ bằng cách tăng tiêu dùng nội địa của các nước châu Á và xây dựng các cơ chế tài chính mới nhằm giữ cho nguồn tiền tiết kiệm của châu Á ở lại khu vực này và “tránh xa” Bộ Tài chính Mỹ. Ví dụ, theo Sáng kiến Chiang Mai mới được thông qua gần đây, chính phủ các nước châu Á (bao gồm các nước thành viên ASEAN, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc) đã cam kết trao đổi tiền tệ với giá trị 120 tỷ USD nhằm mục đích bảo đảm sự ổn định tiền tệ tại châu lục này. Và kể từ năm 2010, ASEAN và Trung Quốc thống nhất với nhau trong một khu vực tự do thương mại chung (được xem là thị trường kết hợp có quy mô lớn nhất thế giới với hơn 1,8 tỷ người). Ngoài ra, nhiều hiệp định thương mại song phương giữa các nước châu Á đã

được ký kết cho nhiều năm tới.

Cuốn sách của Steinfeld lý giải tại sao những cải cách như vậy chỉ tách rời các nền kinh tế châu Á khỏi các nền kinh tế Phương Tây một cách không đáng kể. Steinfeld chỉ ra rằng, vì Trung Quốc đã nắm được vai trò trung tâm trong mạng lưới sản xuất toàn cầu nên sự tăng trưởng kinh tế của nước này đã và đang giải phóng năng lực đổi mới rất lớn trong các công ty Mỹ. Chắc chắn, khủng hoảng kinh tế đã khiến cho một số chủ thể của Mỹ (chẳng hạn như các tổ chức công đoàn) ngày càng có vai trò trọng yếu trong quá trình toàn cầu hóa, nhưng các công ty lớn của Mỹ từ lâu đã nhận thấy rằng thương mại và đầu tư tại châu Á mới là yếu tố thiết yếu cho khả năng đổi mới và đi tiên phong của họ.

Ngoài ra còn có nhiều yếu tố bổ sung khác bên ngoài phạm vi cuốn sách của Steinfeld cũng chứng minh sự tương thuộc lẫn nhau giữa châu Á và phương Tây – đặc biệt là xét dưới phương diện

an ninh khu vực. Mỹ vẫn là nhân tố quan trọng trong một loạt những vấn đề ở khu vực châu Á, trong đó có sự ổn định tại bán đảo Triều Tiên và eo biển Đài Loan, những tranh chấp giành quyền kiểm soát biển Nam Trung Hoa (Biển Đông) và những vấn đề về quyền con người ở một số nước như Myanmar, cũng như tương lai của Afghanistan và Pakistan. Châu Á hiện không có sự thay thế cho ảnh hưởng của Mỹ ở cấp khu vực và trên thực tế, các đối thủ lâu đời và hay thay đổi của châu Á có thể lại tiếp tục gây hấn nếu bất kỳ siêu cường nào tìm cách đòi quyền lợi của mình bằng cách dựa quá nhiều vào vũ lực. Sự nổi lên của châu Á còn lâu mới là một vấn đề thực sự mang tầm châu lục; khu vực này không thống nhất. Các nhà hoạch định chính sách ở Washington và châu Á, do đó, nên tiếp tục hoan nghênh ảnh hưởng mạnh mẽ của Mỹ tại khu vực này.

*(tiếp theo trang 60)*

Đánh giá chung về vấn đề thực hành nghiệp vụ, có ý kiến cho rằng thực trạng hiện nay vẫn còn có một vài yếu tố bất cập, đó là chương trình đào tạo chưa thực sự chú trọng nhiều đến việc đào tạo kỹ năng báo chí, đặc biệt là ứng dụng trong báo chí đối ngoại. Các môn học vẫn nghiêng về lý luận và lý thuyết, thực hành những kỹ năng cơ bản còn ít. Do đó cần phải tăng cường thời gian thực hành và thực tập cho sinh viên về báo chí đối ngoại, đồng thời đổi mới hình

thức thi kiểm tra đánh giá kết quả, thi tốt nghiệp mang tính đặc thù riêng cho sinh viên thông tin đối ngoại.

Trong phiên bế mạc Hội thảo, các đại biểu đưa ra các góp ý về một số vấn đề khác như: *Đề nâng cao chất lượng đào tạo của Khoa, cần đầu tư trang thiết bị cho giảng dạy và thực hành; phối kết hợp với các đơn vị trong trường và ngoài xã hội để có thể sử dụng tốt nhất nguồn nhân lực cho công tác giảng dạy và học tập...*

**BÙI THỊ HỒNG**